

Số: 91/2026/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 03 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 149/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

. Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1972; nơi cư trú: 966F, ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Bùi Thanh T, sinh năm 1994; địa chỉ: Số A, đường V, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh - Là Luật sư của Công ty L - Thuộc đoàn Luật sư Thành phố H (xác nhận số: 20/2025/XN-TA, ngày 03/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long).

**. Bị đơn:*

1. Ông **Nguyễn Ngọc N**, sinh năm 1983;

2. Bà **Phan Thị Thanh T1**, sinh năm 1988;

Ông N, bà T1 cùng nơi cư trú: Số nhà A, khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Bà T1 ủy quyền cho: Ông Nguyễn Ngọc N (Giấy ủy quyền đề ngày 20/5/2026)

3. Ông **Nguyễn Trí H1**, sinh năm 1988;

4. Bà **Nguyễn Ngọc N1** sinh năm 1989;

Ông H1, bà N1 cùng nơi cư trú: Số nhà B, khóm P, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Bà N1 ủy quyền cho: Ông Nguyễn Trí H1 (Giấy ủy quyền đề ngày 01/12/2025)

5. Bà **Trần Thị Lan P**, sinh năm 1975; nơi cư trú: A Chung cư Q, A L,

phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: L682, Đường A, Khóm E, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Bà P ủy quyền cho: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1972; địa chỉ liên lạc: Số H, Khóm E, phường T, tỉnh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền ngày 19/11/2025)

6. Ông **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số E, đường P, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Ông T3 ủy quyền cho: Ông Bùi Văn K, sinh năm 1992; địa chỉ liên lạc: Số G, Khóm F, Khu đô thị M, phường T, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 17/3/2026).

**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Trần Đình H2**, sinh năm 1955; nơi cư trú: A Chung cư Q, A L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: L682, Đường A, Khóm E, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Ông H2 ủy quyền cho: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1972; địa chỉ liên lạc: Số H, Khóm E, phường T, tỉnh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền ngày 01/4/2026).

2. **Phòng C1**; địa chỉ: Số C, khóm P, phường P, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn C - Chức vụ: Trưởng văn phòng (Văn Phòng C2; địa chỉ: Số F, đường P, Phường D, thành phố V (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long cũ).

3. **Văn phòng C3**; địa chỉ: Số C, đường T, Phường D, thành phố V (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long.

4. **Văn phòng C4**; địa chỉ: Số F, đường M, Khóm C, P, thành phố V (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Hoàng Dã Tường U - Chức vụ: Trưởng văn phòng.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về nội dung:**

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trí H1 số tiền là 807.100.000đồng (T4 trăm lẻ bảy triệu một trăm nghìn đồng) (trong đó nợ gốc là 500.000.000đồng; nợ lãi là 307.100.000đồng).

2. Bà Trần Thị Lan P và ông Trần Đình H2 có nghĩa vụ liên đới cùng trả ông Nguyễn Văn T3 số tiền là 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng).

3. Đối với thửa đất 349:

3.1. Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số: 2436; quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/7/2022, giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H với ông Nguyễn Ngọc N ký tại Văn phòng C2.

3.2. Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng: 1325; quyền số: 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/9/2022, giữa ông Nguyễn Ngọc N và bà Phan Thị Thanh T1 với ông Nguyễn Trí Hữu K1 tại Văn phòng C3.

3.3. Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng: 2279; quyền số 03/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/11/2024, giữa ông Nguyễn Trí H1 và bà Nguyễn Ngọc N1 (do bà Trần Thị Lan P là người đại diện ủy quyền) với ông Nguyễn Văn T3 ký tại Văn phòng C4.

3.4. Công nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc H được quyền sử dụng đất, đối với thửa đất 349, tờ bản đồ số 1, diện tích: 6.349,5m², (trong đó loại đất ở là 200m²; đất trồng cây lâu năm 6149,5m²), tọa lạc tại xã B, huyện M (nay là xã B), tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 795617, sổ vào sổ cấp GCN: CS11459 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 09/01/2025 cho ông Nguyễn Văn T3 (mặt 4).

Bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất theo quy định pháp luật.

*** Về án phí:**

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện chịu án phí là 18.706.500đồng (Mười tám triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn năm trăm đồng) (trong đó, án phí có giá ngạch là 18.106.500đồng; án phí không có giá ngạch là 600.000đồng); nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp là 9.875.000đồng (Chín triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004528 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà H còn phải nộp thêm là 8.831.500đồng (Tám triệu tám trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng).

2. Ông Trần Đình H2 được miễn án phí.

3. Bà Trần Thị Lan P tự nguyện chịu án phí là 5.625.000đồng (Năm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng); nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 15.600.000đồng (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003600 ngày 04/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà P được nhận lại số tiền là 9.975.000đồng (Chín triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

4. Hoàn trả ông Nguyễn Văn T3 tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005284 ngày 24/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

5. Hoàn trả ông Nguyễn Ngọc N tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 18.106.500đồng (Mười tám triệu một trăm lẻ sáu nghìn năm trăm đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005278 ngày 24/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

6. Hoàn trả ông Nguyễn Trí H1 tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 18.106.500đồng (Mười tám triệu một trăm lẻ sáu nghìn năm trăm đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002486 ngày 04/02/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1-Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Kim Yến